TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 443/2026/HS-ST Ngày: 21 - 7 - 2026	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Học

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vương Thị Khánh Loan

Bà Phạm Thị Nguyệt Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai, tham gia phiên tòa: Bà Lê Duy Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 378/2026/HSST ngày 05/6/2026, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 441/2026/QĐXXST-HS ngày 06/7/2026, đối với bị cáo:

A, sinh năm 1994, tại tỉnh Hà Nam (nay là tỉnh Ninh Bình); nơi thường trú: tổ dân phố M, phường N, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện tại: tổ dân phố P, phường N, tỉnh Ninh Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Không; con ông B, sinh năm 1960 và bà C, sinh năm 1965; gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ 03 trong gia đình; có vợ D, sinh năm 1994; có 02 người con (sinh năm 2019 và sinh năm 2025); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/9/2025, sau đó chuyển tạm giam đến ngày 14/11/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện đang áp dụng theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 100/LCCT-VKSKV1 ngày 07/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. BH1, sinh năm 1974, nơi đăng ký thường trú: Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

2. BH2, sinh năm 1984, nơi đăng ký thường trú: thành phố Đồng Nai; vắng

mặt.

3. BH3, sinh năm 1961, nơi đăng ký thường trú: thành phố Hà Nội; vắng mặt.

4. BH4, sinh năm 1980, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

5. BH5, sinh năm 1978, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

6. BH6, sinh năm 1970, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

7. BH7, sinh năm 1974, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

8. BH8, sinh năm 1985, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt.

9. BH9, sinh năm 1980, nơi đăng ký thường trú: Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

10. BH10, sinh năm 1975, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

11. BH11, sinh năm 1969, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

12. BH12, sinh năm 1982, nơi đăng ký thường trú: thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

13. BH13, sinh năm 1984, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

14. BH14, sinh năm 1973, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

15. BH15, sinh năm 1972, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

16. BH16, sinh năm 1978, nơi đăng ký thường trú: thành phố Đồng Nai; vắng mặt.

17. BH17, sinh năm 1979, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

18. BH18, sinh năm 1979, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

19. BH19, sinh năm 1971, nơi đăng ký thường trú: thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

20. BH20, sinh năm 1957, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

21. BH21, sinh năm 1981, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Lào Cai; vắng mặt.

22. BH22, sinh năm 1987, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

23. BH23, sinh năm 1973, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

24. BH24, sinh năm 1974, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

25. BH25, sinh năm 1966, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

26. BH26, sinh năm 1974, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

27. BH27, sinh năm 1980, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

28. BH28, sinh năm 1971, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

29. BH29, sinh năm 1984, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

30. BH30, sinh năm 1985, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

31. BH31, sinh năm 1976, nơi đăng ký thường trú: thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

32. BH32, sinh năm 1987, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

33. BH33, sinh năm 1961, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

34. BH34, sinh năm 2001, nơi đăng ký thường trú: thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

35. BH35, sinh năm 1976, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

36. BH36, sinh năm 1983, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

37. BH37, sinh năm 1985, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

38. BH38, sinh năm 1983, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Lào Cai; vắng mặt.

39. BH39, sinh năm 1964, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

40. BH40, sinh năm 1972, nơi đăng ký thường trú: thành phố Đồng Nai; vắng mặt.

41. BH41, sinh năm 1967, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

42. BH42, sinh năm 1970, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Sơn La; vắng mặt.

43. BH43, sinh năm 1981, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt.

44. BH44, sinh năm 1979, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

45. BH45, sinh năm 1977, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

46. BH46, sinh năm 1977, nơi đăng ký thường trú: thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

47. BH47, sinh năm 1980, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt.

48. BH48, sinh năm 1973, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

49. BH49, sinh năm 1979, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

50. BH50, sinh năm 1984, nơi đăng ký thường trú: thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

51. BH51, sinh năm 1977, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

52. BH52, sinh năm 1984, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Sơn La; vắng mặt.

53. BH53, sinh năm 1994, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

54. BH54, sinh năm 1984, nơi đăng ký thường trú: thành phố Cần Thơ; vắng mặt.

55. BH55, sinh năm 1978, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

56. BH56, sinh năm 1981, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

57. BH57, sinh năm 1983, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

58. BH58, sinh năm 1962, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

59. BH59, sinh năm 1976, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

60. BH60, sinh năm 1980, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

61. BH61, sinh năm 1982, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

62. BH62, sinh năm 1980, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

63. BH63, sinh năm 1983, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

64. BH64, sinh năm 1966, nơi đăng ký thường trú: thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

65. BH65, sinh năm 1981, nơi đăng ký thường trú: tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

66. BH66, sinh năm 1981, nơi đăng ký thường trú: thành phố Đồng Nai;

vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 02/2025, do có nhu cầu sử dụng phần mềm ứng dụng chỉ đường, cảnh báo giao thông trên điện thoại và trên xe ô tô nên A đã lên mạng xã hội Facebok và đặt mua 03 tài khoản "VietMap Live" có bản quyền (key), có các mã nhận diện (ID) là: "N1"; "N2" và "N3", với tổng số tiền 550.000đ (Năm trăm năm mươi nghìn đồng). Sau đó, trong quá trình sử dụng, A biết mỗi tài khoản trên chỉ được sử dụng trên 01 thiết bị, nếu đăng nhập vào thiết bị khác thì thiết bị đã đăng nhập trước đó sẽ bị đăng xuất không sử dụng được hoặc người có nhu cầu sử dụng có thể cài đặt phiên bản miễn phí (phiên bản "Vietmap S2", không được cập nhật thường xuyên và Công ty Cổ phần ứng dụng Bản Đồ Việt ngưng kinh doanh từ tháng 1/2024), lợi dụng sự hiểu biết về tính năng và đặc điểm của các ứng dụng trên, A nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Thực hiện ý định trên, trong khoảng thời gian từ tháng 02/2025 đến tháng 9/2025, bằng thủ đoạn gian dối sử dụng 02 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo X200 Pro Mini và Iphone 12 để tạo các tài khoản mạng xã hội Facebook có tên "Vietmap S2", "Vietmap Live" và các tài khoản Zalo có tên "A", "Huy Kỹ Thuật", "Bảo Auto" để đăng bài, chạy quảng cáo rao bán mã bản quyền phần mềm "Vietmap Live", "Vietmap S2" với giá rẻ hơn thị trường, đồng thời khẳng định có thể dùng được trên nhiều thiết bị. Khi có người liên hệ mua, cài đặt ứng dụng trên, A hướng dẫn khách hàng tải và cài đặt ứng dụng (có sẵn trên AppStore hoặc CHplay hoặc vào đường Link do A cung cấp). Sau đó, A dùng thủ đoạn gian dối hướng dẫn khách hàng muốn sử dụng đầy đủ tính năng thì khách hàng phải chuyển số tiền từ 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) đến 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) vào tài khoản của A số Y (mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội – MB Bank). Tuy nhiên, thực tế A chỉ cài cho các khách hàng trên sử dụng ứng dụng "Vietmap S2" hoặc các khách hàng được cài đặt ứng dụng "Vietmap Live" thì sẽ bị đăng xuất hoặc báo lỗi không tiếp tục sử dụng được, A đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 66 khách hàng, gồm:

(1) Ngày 07/3/2025, chiếm đoạt số tiền 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) của anh BH1 (sinh năm: 1974; nơi đăng ký thường trú: Thành phố Hồ Chí Minh);

(2) Ngày 25/3/2025, chiếm đoạt số tiền 480.000đ (Bốn trăm tám mươi nghìn đồng) của anh BH2 (sinh năm: 1984; nơi đăng ký thường trú: thành phố

Đồng Nai);

(3) Ngày 03/4/2025, chiếm đoạt số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) của anh BH3 (sinh năm: 1961; nơi đăng ký thường trú: thành phố Hà Nội);

(4) Ngày 08/4/2025, chiếm đoạt số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) của anh BH4 (sinh năm: 1980; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Lâm Đồng)

(5) Ngày 28/5/2025, chiếm đoạt số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) của anh BH5 (sinh năm: 1978; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Ninh Bình);

(6) Ngày 21/4/2025, chiếm đoạt số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) của anh BH6 (sinh năm: 1970; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Gia Lai);

(7) Ngày 21/4/2025, chiếm đoạt số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) của anh BH7 (sinh năm: 1974; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Ninh Bình);

(8) Ngày 21/4/2025, chiếm đoạt số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) của anh BH8 (sinh năm: 1985; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Tuyên Quang);

(9) Ngày 21/4/2025, chiếm đoạt số tiền 399.000đ (Ba trăm chín mươi chín nghìn đồng) của anh BH9 (sinh năm: 1980; nơi đăng ký thường trú: Thành phố Hà Nội);

(10) Ngày 21/4/2025, chiếm đoạt số tiền 390.000đ (Ba trăm chín mươi nghìn đồng) của anh BH10 (sinh năm: 1975; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Quảng Ngãi);

(11) Ngày 28/4/2025, chiếm đoạt số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) của anh BH11 (sinh năm: 1969; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Đắk Lắk);

(12) Ngày 28/4/2025, chiếm đoạt số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) của anh BH12 (sinh năm: 1982; nơi đăng ký thường trú: thành phố Hải Phòng);

(13) Ngày 28/4/2025, chiếm đoạt số tiền 399.000đ (Ba trăm chín mươi chín nghìn đồng) của anh BH13 (sinh năm: 1984; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Quảng Ngãi);

(14) Ngày 28/4/2025, chiếm đoạt số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) của anh BH14 (sinh năm: 1973; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Ninh Bình);

(15) Ngày 28/4/2025, chiếm đoạt số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) của anh BH15 (sinh năm: 1972; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Bắc Ninh);

(16) Ngày 28/4/2025, chiếm đoạt số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) của anh BH16 (sinh năm: 1978; nơi đăng ký thường trú: thành phố Đồng Nai);

(17) Ngày 27/5/2025, chiếm đoạt số tiền 399.000đ (Ba trăm chín mươi chín nghìn đồng) của anh BH17 (sinh năm: 1979; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Quảng Ninh);

(18) Ngày 15/3/2025, chiếm đoạt số tiền 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) của anh BH18 (sinh năm: 1979; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Ninh Bình);

(19) Ngày 16/3/2025, chiếm đoạt số tiền 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) của anh BH19 (sinh năm: 1971; nơi đăng ký thường trú: thành phố Hải Phòng);

(20) Ngày 20/3/2025, chiếm đoạt số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) của anh BH20 (sinh năm: 1957; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Gia Lai);

(21) Ngày 23/3/2025, chiếm đoạt số tiền 399.000đ (Ba trăm chín mươi chín nghìn đồng) của anh BH21 (sinh năm: 1981; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Lào Cai);

(22) Ngày 23/3/2025, chiếm đoạt số tiền 390.000đ (Ba trăm chín mươi nghìn đồng) của anh BH22 (sinh năm: 1987; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Hưng Yên);

(23) Ngày 25/3/2025, chiếm đoạt số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) của anh BH23 (sinh năm: 1973; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Gia Lai);

(24) Ngày 23/4/2025, chiếm đoạt số tiền 380.000đ (Ba trăm tám mươi nghìn đồng) của anh BH24 (sinh năm: 1974; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Gia Lai);

(25) Ngày 31/3/2025, chiếm đoạt số tiền 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) của anh BH25 (sinh năm: 1966; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Gia Lai);

(26) Ngày 31/3/2025, chiếm đoạt số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) của anh BH26 (sinh năm: 1974; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Bắc Ninh);

(27) Ngày 11/4/2025, chiếm đoạt số tiền 389.000đ (Ba trăm tám mươi chín nghìn đồng) của anh BH27 (sinh năm: 1980; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Nghệ An);

(28) Ngày 14/4/2025, chiếm đoạt số tiền 389.000đ (Ba trăm tám mươi chín nghìn đồng) của anh BH28 (sinh năm: 1971; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Tây Ninh);

(29) Ngày 14/4/2025, chiếm đoạt số tiền 390.000đ (Ba trăm chín mươi nghìn đồng) của anh BH29 (sinh năm: 1984; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Phú Thọ);

(30) Ngày 23/4/2025, chiếm đoạt số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) của anh BH30 (sinh năm: 1985; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Thanh Hóa);

(31) Ngày 01/5/2025, chiếm đoạt số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng)

của anh BH31 (sinh năm: 1976; nơi đăng ký thường trú: thành phố Hồ Chí Minh);

(32) Ngày 03/5/2025, chiếm đoạt số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) của anh BH32 (sinh năm: 1987; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Ninh Bình);

(33) Ngày 04/5/2025, chiếm đoạt số tiền 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) của anh BH33 (sinh năm: 1961; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Gia Lai);

(34) Ngày 04/5/2025, chiếm đoạt số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) của chị BH34 (sinh năm: 2001; thành phố Hồ Chí Minh)

(35) Ngày 06/5/2025, chiếm đoạt số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) của anh BH35 (sinh năm: 1976; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Phú Thọ);

(36) Ngày 12/5/2025, chiếm đoạt số tiền 389.000đ (Ba trăm tám mươi chín nghìn đồng) của anh BH36 (sinh năm: 1983; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Quảng Ninh);

(37) Ngày 19/5/2025, chiếm đoạt số tiền 399.000đ (Ba trăm chín mươi chín nghìn đồng) của anh BH37 (sinh năm: 1985; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Đắk Lắk);

(38) Ngày 27/5/2025, chiếm đoạt số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) của anh BH38 (sinh năm: 1983; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Lào Cai);

(39) Ngày 28/5/2025, chiếm đoạt số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) của anh BH39 (sinh năm: 1964; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Gia Lai);

(40) Ngày 04/6/2025, chiếm đoạt số tiền 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) của anh BH40 (sinh năm: 1972; nơi đăng ký thường trú: thành phố Đồng Nai);

(41) Ngày 04/6/2025, chiếm đoạt số tiền 550.000đ (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) của anh BH41 (sinh năm: 1967; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Gia Lai);

(42) Ngày 05/6/2025, chiếm đoạt số tiền 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) của anh BH42 (sinh năm: 1970; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Sơn La);

(43) Ngày 16/4/2025, chiếm đoạt số tiền 389.000đ (Ba trăm tám mươi chín nghìn đồng) của anh BH43 (sinh năm: 1981; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Tuyên Quang);

(44) Ngày 30/3/2025, chiếm đoạt số tiền 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) của anh BH44 (sinh năm: 1979; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Bắc Ninh);

(45) Ngày 12/5/2025, chiếm đoạt số tiền 780.000đ (Bảy trăm tám mươi

nghìn đồng) của anh BH45 (sinh năm: 1977; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Phú Thọ);

(46) Ngày 23/4/2025, chiếm đoạt số tiền 399.000đ (Ba trăm chín mươi chín nghìn đồng) của chị BH46 (sinh năm: 1977; nơi đăng ký thường trú: thành phố Hồ Chí Minh);

(47) Ngày 04/5/2025, chiếm đoạt số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) của anh BH47 (sinh năm: 1980; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Tuyên Quang);

(48) Ngày 30/4/2025, chiếm đoạt số tiền 399.000đ (Ba trăm chín mươi chín nghìn đồng) của anh BH48 (sinh năm: 1973; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Quảng Trị);

(49) Ngày 19/6/2025, chiếm đoạt số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) của chị BH49 (sinh năm: 1979; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Phú Thọ);

(50) Ngày 10/3/2025, chiếm đoạt số tiền 490.000đ (Bốn trăm chín mươi nghìn đồng) của anh BH50 (sinh năm: 1984; nơi đăng ký thường trú: thành phố Đà Nẵng);

(51) Ngày 10/4/2025, chiếm đoạt số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) của anh Trần Văn Việt (sinh năm: 1977; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Thái Nguyên);

(52) Ngày 17/4/2025, chiếm đoạt số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) của anh BH52 (sinh năm: 1984; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Sơn La);

(53) Ngày 19/4/2025, chiếm đoạt số tiền 399.000đ (Ba trăm chín mươi chín nghìn đồng) của chị BH53 (sinh năm: 1994; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Bắc Ninh);

(54) Ngày 20/4/2025, chiếm đoạt số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) của anh BH54 (sinh năm: 1984; nơi đăng ký thường trú: thành phố Cần Thơ);

(55) Ngày 27/4/2025, chiếm đoạt tổng số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) của anh BH55 (sinh năm: 1978; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Gia Lai);

(56) Ngày 23/4/2025, chiếm đoạt số tiền 399.000đ (Ba trăm chín mươi chín nghìn đồng) của anh BH56 (sinh năm: 1981; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Ninh Bình);

(57) Ngày 04/5/2025, chiếm đoạt số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) của anh BH57 (sinh năm: 1983; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Gia Lai);

(58) Ngày 11/5/2025, chiếm đoạt số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) của anh BH58 (sinh năm: 1962; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Đắk Lắk);

(59) Ngày 12/5/2025, chiếm đoạt số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) của chị BH59 (sinh năm: 1976; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Đồng Tháp);

(60) Ngày 15/5/2025, chiếm đoạt số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) của anh BH60 (sinh năm: 1980; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Đắk Lắk);

(61) Ngày 17/5/2025, chiếm đoạt số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) của anh BH61 (sinh năm: 1982; tỉnh Nghệ An);

(62) Ngày 18/5/2025, chiếm đoạt số tiền 389.000đ (Ba trăm tám mươi chín nghìn đồng) của anh BH62 (sinh năm: 1980; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Quảng Trị);

(63) Ngày 19/5/2025, chiếm đoạt số tiền 390.000đ (Ba trăm chín mươi nghìn đồng) của anh BH63 (sinh năm: 1983; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Bắc Ninh);

(64) Ngày 30/5/2025, chiếm đoạt số tiền 399.000đ (Ba trăm chín mươi chín nghìn đồng) của anh BH64 (sinh năm: 1966; nơi đăng ký thường trú: thành phố Đà Nẵng);

(65) Ngày 03/6/2025, chiếm đoạt số tiền 399.000đ (Ba trăm chín mươi chín nghìn đồng) của anh BH65 (sinh năm: 1981; nơi đăng ký thường trú: tỉnh Bắc Ninh).

(66) Ngày 14/3/2025, chiếm đoạt số tiền 490.000đ (Bốn trăm chín mươi nghìn đồng) của anh BH66 (sinh năm: 1981; nơi đăng ký thường trú: thành phố Đồng Nai).

Sau đó, khi có một số khách hàng phát hiện bị lỗi không sử dụng được và gọi điện thoại liên hệ cho A để được hỗ trợ thì A tiếp tục nói dối do phần mềm đang cập nhật hoặc không trả lời và chặn liên lạc. Đến ngày 08/8/2025, A đã bị các ông BH1, BH2, BH3, BH4 và BH5 làm đơn tố cáo A đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đồng Nai) xác minh, điều tra xử lý.

Đến ngày 28/9/2025, A biết được hành vi phạm tội của mình đã bị phát hiện nên A đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đầu thú. Đến ngày 07/10/2025, A đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai (Nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đồng Nai) khởi tố, điều tra xử lý.

Vật chứng vụ án gồm:

- 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Vivo X200 Pro Mini (số IMEI 1: 865341077379198, số IMEI 2: 865341077379180, có gắn sim số thuê bao: N4, N2) và 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 (số IMEI 1: 353022114911131, IMEI 2: 353022114680793, có gắn sim số thuê bao N3), đều thu giữ của bị cáo A, là công cụ, phương tiện bị cáo A sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội;

Về trách nhiệm dân sự:

- 19 bị hại trong vụ án yêu cầu bị cáo A phải bồi thường tổng số tiền 8.596.000 đồng (Tám triệu, năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng), cụ thể: anh BH1 số tiền 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng), anh BH2 số tiền 480.000đ (Bốn trăm tám mươi nghìn đồng), anh BH4 số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng), anh BH5 số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), anh BH6 số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng), anh BH42 số tiền 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng), anh BH55 số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), anh BH52 số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng), anh BH65 số tiền 399.000đ (Ba trăm chín mươi chín nghìn đồng), anh BH62 số tiền 389.000đ (Ba trăm tám mươi chín nghìn đồng), anh BH61 số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), anh BH58 số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), anh BH57 số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng), anh BH64 số tiền 399.000đ (Ba trăm chín mươi chín nghìn đồng), anh BH63 số tiền 390.000đ (Ba trăm chín mươi nghìn đồng), anh BH60 số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng), anh BH50 số tiền 490.000đ (Bốn trăm chín mươi nghìn đồng), anh BH56 số tiền 399.000đ (Ba trăm chín mươi chín nghìn đồng) và anh BH12 số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng). Bị cáo đã bồi thường số tiền này cho các bị hại có yêu cầu.

- Các bị hại còn lại, không có yêu cầu bồi thường.

Tại Cáo trạng số: 234/CT-VKSKV1 ngày 05/6/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai đã truy tố bị cáo A về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng nói trên và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo từ 08 đến 10 tháng tù.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 2/2025 đến tháng 9/2025, bằng thủ đoạn gian dối trong việc bán và cài đặt phần mềm ứng dụng chỉ đường, cảnh báo giao thông "Vietmap Live" và "Vietmap S2", A đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tổng số tiền là 27.814.000đ (Hai mươi bảy triệu, tám trăm mười bốn nghìn đồng) của 66 bị hại (nêu trên) cư trú tại 23 tỉnh, thành phố trên cả nước thì bị khách hàng phát hiện, tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đồng Nai) khởi tố điều tra, xử lý.

Với hành vi trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận bị cáo A phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội. Do vậy, cần có hình phạt nghiêm đối với bị cáo để giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại; đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính; bị cáo đầu thú; có thân nhân có công trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo có nhân thân tốt; có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; đồng thời bị cáo cũng đã có một thời gian tạm giam đủ để giáo dục bị cáo. Căn cứ Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 2, Điều 3 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018; Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo nhưng cho hưởng án treo, thể hiện sự khoan hồng

của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại có yêu cầu bồi thường, bị cáo đã bồi thường xong nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng, căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Buộc bị cáo A phải nộp lại tổng số tiền 19.218.000đ (Mười chín triệu, hai trăm mười tám nghìn đồng) tương đương tổng số tiền các bị hại không yêu cầu bồi thường, là thu lợi bất chính để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước đối với 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Vivo X200 Pro Mini (số IMEI 1: 865341077379198, số IMEI 2: 865341077379180, có gắn sim số thuê bao: N4, N2) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 (số IMEI 1: 353022114911131, IMEI 2: 353022114680793, có gắn sim số thuê bao N3), là phương tiện bị cáo A đã sử dụng phạm tội.

[9] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử, quy định pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo A phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

1. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo A 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo A cho Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải

chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng:

- Sung vào ngân sách Nhà nước số tiền bị cáo A thu lợi bất chính là 19.218.000 đồng (Mười chín triệu, hai trăm mười tám nghìn đồng) theo biên lai số 0000457 ngày 20/7/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đồng Nai.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Vivo X200 Pro Mini (số IMEI 1: 865341077379198, số IMEI 2: 865341077379180, có gắn sim số thuê bao: N4, N2) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 (số IMEI 1: 353022114911131, IMEI 2: 353022114680793, có gắn sim số thuê bao N3). Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05/6/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai và Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Đồng Nai.

3. Về án phí: Buộc bị cáo A phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Đồng Nai;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự thành phố;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu HS, THS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Học